



Đặc điểm pháp môn Tịnh độ qua lăng kính văn hóa tín ngưỡng người Việt

ISSN: 2734-9195

11:07 22/12/2025

Qua lăng kính văn hóa học, chúng ta nhận thấy đặc điểm Tịnh độ Việt Nam không những rất đa dạng mà còn rất đặc thù, không dễ nhầm lẫn với pháp tu Tịnh độ của các quốc gia Phật giáo Bắc Tông khác.

Tác giả: **Thích nữ Ân Liên** (Thế danh: **Nguyễn Thị Thúy Hằng**)

Lớp Thạc sĩ Phật học K.3 - Học viện PGVN tại TP.HCM

Trong tác phẩm “*Tìm hiểu pháp môn Tịnh độ*” của Phạm Đình Nhân và “*Trào lưu Tịnh độ tại Việt Nam*” của Thích Tâm Hải, cả hai đều nêu lên đặc điểm pháp môn Tịnh độ tại Việt Nam, tuy nhiên nêu lên năm điều nổi bật chính, chưa giải thích nguyên nhân hình thành nên những đặc tính đó.

Thông qua việc tìm hiểu dựa trên nền tảng nghiên cứu văn hóa học của GS.Trần Ngọc Thêm, bài viết xin triển khai bổ sung về lí do tạo ra đặc điểm pháp môn Tịnh độ mang đậm nét Việt.

Một đặc trưng rất đặc thù pháp môn Tịnh độ Việt Nam được nhắc đến đầu tiên là không thành lập tông phái. Lối tư duy của người Việt sự tổng hợp rất cao, chính vì vậy kể từ khi pháp môn Tịnh độ truyền vào Việt Nam đến nay vẫn chưa thành lập tông phái rõ ràng. Bởi vì dân tộc Việt có những nhận định rất đặc biệt. Vì hiểu rằng danh hiệu A Di Đà là tên gọi chung cho danh hiệu mười phương chư Phật ba đời, thậm chí bao trùm khắp pháp giới (câu niệm: Nam mô Pháp Giới Tạng Thân A Di Đà Phật) nên hành giả Tịnh độ Việt Nam nhận định “*A Di Đà Phật*” là hình tượng chung của Phật giáo Đại thừa, không thuần túy chỉ dành riêng trong pháp môn Tịnh độ. Do vậy, dù đang hành trì pháp tu nào, khi gặp nhau, hàng Phật tử cũng đều mở lời chào “*A Di Đà Phật*”. Dần lâu danh hiệu Phật trở thành biểu hiện đặc trưng của Phật giáo Đại thừa.

Mặt khác, tư tưởng **Phật A Di Đà** xuyên suốt trong tiến trình lịch sử Phật giáo Việt Nam. Thời Phật giáo Lý - Trần, tuy dòng Thiền phát triển tốt bậc nhưng những đàn nghi, pháp sự vẫn có danh hiệu Phật A Di Đà. Ngày nay di tích bia mộ của các Thiền sư vẫn đề ghi câu “*A Di Đà Phật*”. Những thời kỳ sau, ở miền

Bắc truyền thống Thiền vẫn giữ vai trò chủ đạo, Mật và Tịnh được kết hợp quân bình với nhau làm pháp tu thứ yếu đảm bảo đưa hành giả đến lộ trình giải thoát (Thiền - Mật - Tịnh); Còn miền Nam, Tịnh độ tuy là pháp tu chuyên chính nhưng yếu tố Mật và Tịnh vẫn được phát huy (Tịnh - Mật - Thiền)[1]. Như vậy, Tịnh độ vẫn không có vị trí độc lập, chỉ là một pháp tu chưa được gọi là tông phái.

Từ thế kỷ XX trở đi, mặc dù phong trào Chấn hưng Phật giáo diễn ra nhưng cũng không cải cách quan điểm Tịnh độ, tức không thành lập tông phái. Bởi vì một mặt các Ngài muốn giữ lại truyền thống Tịnh độ của người xưa, một mặt xét thấy giữa Luật và Tịnh là hai điều cốt yếu tu học của tất cả hành giả Đại thừa.

Đến nay, mặc dù các hành giả Tịnh độ đã đề xuất các vị Tổ Tịnh độ tông Việt Nam nhưng Phật giáo chính thống không có quyết định thành lập tông phái. Tùy theo mỗi người tự đặt cho mình cách nhìn nhận khác nhau, chẳng hạn như theo HT. Giác Quang gọi là *“Sự truyền đăng Tịnh độ Việt Nam”*[2], theo học giả Thích Tâm Hải gọi là *“Trào lưu Tịnh độ tại Việt Nam”*[3].



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa (sưu tầm).

Mặc dù không lập tông phái nhưng Tịnh độ Việt Nam có một điểm khác biệt mà không quốc gia nào có được, đó là pháp tu chung của một số tôn giáo khác. Pháp môn Tịnh độ càng về sau phát triển ở khu vực miền Nam. Từ thế kỷ XIX trở đi, để thích hợp với nhu cầu tín ngưỡng mới của quần chúng, các tôn giáo nội sinh[4] đã ra đời. Mỗi tôn giáo có những giáo lý khác nhau, nhưng điểm chung đều dùng pháp tu Tịnh độ làm cứu cánh. Điều này cho thấy pháp tu Tịnh độ rất đa dạng ở Việt Nam.

Điểm thứ hai cần được bàn luận là pháp môn Tịnh độ Việt Nam có các đặc điểm tùy thuộc vào lối sống văn hóa dân tộc

Đa số hành giả Tịnh độ trong quần chúng là giới bình dân. Hầu hết chí hướng cầu sinh Cực Lạc của các hành giả dựa vào niềm tin chân phương về lời Phật dạy trong Kinh điển, chỉ cần tinh tấn niệm Phật có được bản tâm thanh tịnh, thực hiện các hạnh lành và nguyện vãng sinh là vẹn toàn. Phong cách tu tập lại thuận theo nếp sống văn hóa truyền thống. Do vậy, Tịnh độ Việt Nam vẫn thể hiện nét đặc thù rất riêng biệt. Đặc điểm Tịnh độ dân gian thể hiện qua lăng kính văn hóa như sau.

Một là, người Việt ưa thích sự dân dã, đơn giản (do lối sống văn hóa gốc nông nghiệp chi phối) nên pháp môn Tịnh độ cũng theo đó để phù hợp. Chỉ cần chân thật y theo Kinh dạy thì quyết định được vãng sinh. Cho nên hành giả không cần sáng tạo các tư tưởng thâm sâu, bác học như: số sao, pháp ngữ, chú giải v.v... như Trung Quốc mà chú trọng các lý luận ngắn gọn, dễ hiểu và hành trì thực tiễn, dễ hành.

Hai là, lối sống trọng văn đã ăn sâu vào trong tiềm thức người Việt cũng được thể hiện trong pháp môn Tịnh độ. Tập tính người Việt rất trọng văn, kể sĩ người tài được coi trọng nhất: *“Nhất sĩ, nhì nông... Sĩ nông công thương”*[5]. Họ là những bậc anh tài rất đáng tin cậy, được quần chúng đề cao. Có họ, xã hội mới có những hoạch định phát triển tốt đẹp. Mọi phương diện khác, kể sĩ đều đóng vai trò quan trọng. Phương diện tu tập Tịnh độ trọng kẻ sĩ cũng không nằm ngoài. Kẻ sĩ trong Tịnh độ chính là các bậc hành giả thông tuệ thực tu thực chứng. Tịnh độ dân gian thường dựa vào sự chứng nghiệm của người trước làm động lực để tu niệm.

Ba là, pháp tu Tịnh độ Việt Nam bộc lộ ý thức *“gừng càng già càng cay”* của văn hóa dân tộc. Trọng tuổi già là một đức tính cao đẹp trong văn hóa làng xã người Việt *“Kính già, già để tuổi cho”*[6]. Dân làng kính trọng người già không đơn giản vì tuổi cao sức yếu, vì họ là kho tàng kinh nghiệm của cuộc sống. Cho nên đứng đầu một Giáp[7] là người lớn tuổi có năng lực nhất. Khía cạnh Tịnh độ cũng vậy. Vì nghĩ rằng người đi trước sẽ có những trải nghiệm tu tập, đưa ra bài học quý báu trong tu hành nên các hành giả thường theo những tấm gương đi trước làm hành trang cho bản thân. Thích hợp với cách hành trì của bậc chân tu nào thì theo cách đó mà tu tập.

Bốn là, Phật giáo Việt Nam nói chung và Tịnh độ Việt Nam nói riêng luôn quan niệm việc đạo phải kết hợp chặt chẽ với việc đời[8]. Tuy là Phật giáo xuất thế, nhưng bước vào đời thì phải nhập thế. Trong lịch sử, các bậc cao tăng thường được mời tham chính và cố vấn quốc sự như các Thiền sư: Khuông Việt, Đỗ

Thuận, Vạn Hạnh, Đa Bảo, Viên Thông v.v... Có một số vị thuộc dòng dõi vua quan quý tộc dù tâm xuất gia nhưng cũng phải lo việc chính sự như các đời Lý - Trần. Thời kỳ đất nước yên bình, các hành giả cũng hằng hái tham gia các hoạt động xã hội. Đây cũng là đặc điểm riêng của **Phật giáo Việt Nam**. Chủ trương ấy được hành giả Tịnh độ gọi là phước huệ song tu. Bên cạnh việc công phu phát triển định huệ hằng ngày, hầu hết hành giả còn phải hành phước thiện, gánh vác sự nghiệp ích nước lợi dân. Rất ít đối tượng vì muốn huân tập nội minh mà quên đi nghĩa vụ nhập thế.

Tóm lại, lối sống hằng ngày của người Việt nói chung và hành giả Tịnh độ nói riêng đã phản ánh nên đặc điểm pháp tu Tịnh độ Việt Nam.

Qua lăng kính văn hóa học, chúng ta nhận thấy đặc điểm Tịnh độ Việt Nam không những rất đa dạng mà còn rất đặc thù, không dễ nhầm lẫn với pháp tu Tịnh độ của các quốc gia Phật giáo Bắc Tông khác. Pháp môn Tịnh độ Việt Nam có nét riêng, vì vậy **Phật giáo Việt Nam** cũng như pháp môn Tịnh độ có những tư duy triết học và văn hóa riêng trong dòng chảy chung của Pháp môn Tịnh độ Phật giáo Đại thừa.

Chú thích:

[1] Thích Nhật Từ (chủ biên) (2020), Phật Giáo Vùng Nam Bộ: Sự Hình Thành và Phát Triển. Nxb. Hồng Đức, Hồ Chí Minh, tr.238

[2] Thích Giác Quang, Sự Truyền Đăng Tịnh Độ Tại Việt Nam [online],

Nguồn: <https://linhsonphatgiao.com/2/12/2013/su-truyen-dang-tinh-do-tai-viet-nam.html>

[3] Thích Tâm Hải, Trào Lưu Tịnh Độ Tại Việt Nam [online], Đăng ngày 24/07/2007, Nguồn: <https://www.chuahoangphap.com.vn/tin-tuc/chitiet-trao-luu-tinh-do-tai-viet-nam-132/>

tiet-trao-luu-tinh-do-tai-viet-nam-132/

[4] Phật giáo Hòa Hảo, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương...

[5] Trần Ngọc Thêm (1999), Cơ Sở Văn Hóa Việt Nam, Nxb. Giáo Dục, Hồ Chí Minh, tr.115

[6] Trần Ngọc Thêm (1999), Cơ Sở Văn Hóa Việt Nam, Nxb. Giáo Dục, Hồ Chí Minh, tr.93

[7] Giáp là tổ chức dành cho người lớn tuổi (lão làng) và cho những người cùng lớp tuổi, người tuổi nào thì sẽ ngồi địa vị ấy.

[8] Trần Ngọc Thêm (1999), Cơ Sở Văn Hóa Việt Nam, Nxb. Giáo Dục, Hồ Chí Minh, tr.250

Tư liệu tham khảo:

1. Trần Ngọc Thêm (1999), Cơ Sở Văn Hóa Việt Nam, Giáo Dục, Hồ Chí Minh.
2. Thích Nhật Từ (chủ biên) (2020), Phật Giáo Vùng Nam Bộ: Sự Hình Thành và Phát Triển. Hồng Đức, Hồ Chí Minh.
3. Thích Giác Quang, Sự Truyền Đăng Tịnh Độ Tại Việt Nam [online], Nguồn: <https://linhsonphatgiao.com>
4. Thích Tâm Hải, Trào Lưu Tịnh Độ Tại Việt Nam [online], Đăng ngày 24/07/2007, Nguồn: <https://www.chuahoangphap.com>